

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH TIỀN GIANG**

*Bản án số: 809/2022/HNGĐ-ST*

*Ngày: 22/9/ 2022*

*V/v Tranh chấp “Ly hôn”.*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TIỀN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hồ.*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

**1/ Ông Huỳnh Văn Phó.**

**2/ Ông Mai Văn Bé.**

*Thư ký phiên tòa: Ông Võ Trương Tấn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang.*

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành: Bà Trần Thị Phượng Tuyền, Kiểm sát viên.*

Ngày 22 tháng 9 năm 2022 Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 314/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 234/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

*1/ Nguyên đơn: Phan Thị Phương T, sinh năm 1975;*

*Địa chỉ: ấp VT, xã VK, huyện CT, Tiền Giang.*

*2/ Bị đơn: Nguyễn Hữu P, sinh năm 1975;*

*Địa chỉ: ấp VB, xã VK, huyện CT, Tiền Giang.*

*(Có mặt chị T; vắng mặt anh P)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo nguyên đơn Phan Thị Phương T trình bày:*

Chị T và anh P xác lập quan hệ hôn nhân năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Kim, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không thể hòa hợp, chị và anh đã ly thân từ tháng 10/2021 cho đến nay. Nay mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, không có khả năng hàn gắn. Nay chị T yêu cầu được ly hôn với anh P.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Hữu L sinh ngày 15/11/2006 và Nguyễn Hữu Đ sinh ngày 06/7/2009 hiện đang sống với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: chị T trình bày không có.

*\* Theo bị đơn Nguyễn Hữu P trình bày:*

Anh P thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian và điều kiện kết hôn cũng như nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn. Anh P xác định anh và chị T sống ly thân từ tháng 10/2021 đến nay. Nay chị T yêu cầu ly hôn anh P đồng ý.

Về con chung anh P thống nhất với lời trình bày của chị T, khi ly hôn anh P yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hữu Đ, để chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hữu L, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: anh P trình bày không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm.

Nguyên đơn Phan Thị Phương T giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bị đơn Nguyễn Hữu P. Về con chung chị T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung chị T trình bày không có.

Bị đơn Nguyễn Hữu P vắng mặt không rõ lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, do vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt bị đơn Nguyễn Hữu P.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm: Về phần thủ tục tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng khác trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn, việc nuôi con chung và việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của nguyên đơn Phan Thị Phương T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các qui định của pháp luật; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Yêu cầu ly hôn của nguyên đơn Phan Thị Phương T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang theo qui định tại khoản 1 điều 28, điều 35, điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị T và anh P xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2005 là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng phát sinh nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không thể hòa hợp dẫn đến vợ chồng gây gổ nhau, chị T và anh P ly thân từ tháng 10/2021 cho đến nay. Mặt khác tại biên bản xác minh ngày 13/7/2022 xác định hiện tại chị T và anh P không còn chung sống với nhau, mặt khác tại phiên hòa giải ngày 18/8/2022 anh P cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T. Xét thấy mâu thuẫn trầm trọng, không thể chung sống được, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung của chị T, Hội đồng xét xử xét thấy hai cháu Nguyễn Hữu L và Nguyễn Hữu Đ hiện đang sống ổn định với chị T, nguyện vọng của cháu L và cháu Đ đều muốn sống chung với chị T. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của con chung cần giao hai cháu cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với qui định của pháp luật.

Đối với yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hữu Đ của anh P Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng của cháu Đ muốn được sống chung với chị T, để đảm bảo cuộc sống ổn định của cháu Đ cần để chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với qui định của pháp luật, do vậy yêu cầu của anh P là không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét việc cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không có yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con, đây là ý chí tự nguyện của chị T không trái đạo đức xã hội và không vi phạm điều cấm của luật. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, Chị T có thể khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác theo qui định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: chị T và anh P trình bày không có, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở, phù hợp với qui định của pháp luật, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH :**

- Căn cứ vào các Điều 28,35, 39, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

**Xử :**

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn Phan Thị Phương T.  
Chị Phan Thị Phương T được ly hôn với anh Nguyễn Hữu P.

2/ Về con chung: Giao hai cháu Nguyễn Hữu L sinh ngày 15/11/2006 và Nguyễn Hữu Đ sinh ngày 06/7/2009 cho chị T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh P không cấp dưỡng nuôi con và được quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3/ Về án phí: chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, chị đã tạm nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0020346 ngày 26/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành chuyển thành án phí.

4/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Phan Thị Phương T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đối với bị đơn Nguyễn Hữu P được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi Cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

ĐÃ KÝ

**Nguyễn Ngọc Hồ**